

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI CHÍNH

Số: **4689** /STC-NS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09** tháng 8 năm 2021*

Về hướng dẫn xây dựng dự toán
thu chi ngân sách năm 2022,
kế hoạch tài chính – ngân sách
3 năm giai đoạn 2022-2024.

KHẨN

Kính gửi: - Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết về lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm.

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm.

Căn cứ Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024.

Nhằm đảm bảo việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2022, kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm 2022-2024 trên địa bàn Thành phố theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Sở Tài chính hướng dẫn đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu chi NSNN năm 2021; xây dựng dự toán thu chi NSNN năm 2022, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024, như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2021:

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2021:

Các sở - ban - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, căn cứ kết quả thu 6 tháng đầu năm để đánh giá kết quả thực hiện thu NSNN năm 2021; trong đó tập trung đánh giá, phân tích một số nội dung chủ yếu sau:

- Phân tích cụ thể từng nguyên nhân ảnh hưởng đến thu ngân sách năm 2021; làm rõ những thuận lợi, khó khăn, nhất là tác động của đại dịch Covid-19; Các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong từng lĩnh vực và tình hình, xu hướng phục hồi sản xuất kinh doanh sau dịch Covid-19 (nếu có); khả năng triển khai các dự án đầu tư mở rộng, đầu tư mới; các dự án đã hết thời gian ưu đãi thuế; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn; tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; diễn biến thị trường;

- Tác động của biến động giá dầu thô, nguyên nhiên vật liệu đầu vào, gạo và hàng hóa nông sản khác trên thị trường thế giới, trong nước; tác động của việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó có các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; các chính sách tiền tệ, tín dụng, thương mại, đầu tư, chính sách giá, cải cách thủ tục hành chính và các yếu tố khác đến nền kinh tế và kết quả thu NSNN trong 6 tháng đầu năm.

- Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu; gia hạn, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, các giải pháp về thu NSNN tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân do tác động của đại dịch Covid-19 và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các chính sách thuế, phí và lệ phí được sửa đổi, bổ sung có hiệu lực trong năm 2021 (kể cả các chính sách thu phí thực hiện theo Nghị quyết 54/2017/QH14) và các văn bản, chính sách, chế độ thu thuế, phí, lệ phí khác tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2021.

- Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện các biện pháp về quản lý thu NSNN theo Nghị quyết số 01/NQ-CP; Đánh giá công tác đôn đốc, cưỡng chế, xử lý thu hồi nợ đọng thuế trong 6 tháng đầu năm 2021; dự kiến số nợ thuế xử lý trong các tháng cuối năm 2021 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có) và số dư nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021; Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra và quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

- Đánh giá tình hình hoàn thuế giá trị gia tăng, trong đó dự kiến số kinh phí hoàn thuế giá trị gia tăng thực hiện trong năm 2021 trên cơ sở đúng chính sách chế độ và phù hợp với thực tế phát sinh; Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế giá trị gia tăng, xử lý thu hồi kịp thời tiền hoàn thuế giá trị gia tăng sai quy định; Kiến nghị điều chỉnh cơ chế quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng, trường hợp cần

thiết thì đề xuất điều chỉnh nguồn kinh phí hoàn thuế giá trị gia tăng (bổ sung, tạm ứng, cắt giảm) để phù hợp với thực tế phát triển kinh tế xã hội trong các tháng cuối năm, đảm bảo hoàn trả chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

- Đánh giá thực hiện hoàn trả các khoản thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo quy định của pháp luật (ngoài hoàn thuế giá trị gia tăng); tình hình thực hiện theo các tiêu chí: số tiền hoàn trả, số bộ hồ sơ xem xét hoàn trả, số lần ra quyết định hoàn trả theo các quy định và những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách, công nghệ quản lý, tổ chức phối hợp trong quá trình triển khai, thực hiện (nếu có).

- Đánh giá tình hình thu ngân sách từ xử lý tài sản công theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo pháp luật về đất đai và thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, Nghị định số 69/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao và quy định pháp luật khác có liên quan; thu ngân sách từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, khai thác mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan).

- Đánh giá kết quả phối hợp giữa các cấp, các ngành có liên quan trong công tác quản lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thu NSNN, bán đấu giá tài sản Nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống chuyển giá; tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

- Đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí (đánh giá số thu phí, lệ phí theo quy định; số thu phí nộp NSNN); thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác trong năm 2021 theo Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Đánh giá các khoản thu được để lại năm 2021 theo quy định đối với các cơ quan hành chính nhà nước được hưởng theo Nghị quyết 54/2017/QH14, các khoản thu được quy định tại các Luật chuyên ngành khác hoặc tại các văn bản pháp luật khác mà Luật NSNN, Luật phí và lệ phí chưa quy định cụ thể là nguồn thu NSNN (dưới đây gọi là thu nghiệp vụ), khoản trích qua công tác thanh tra, kiểm toán, các nguồn thu hợp pháp theo quy định (nếu có) và dự kiến số lũy kế còn lại đến hết năm 2021.

- Đánh giá các khoản thu của các đơn vị sự nghiệp công lập (ngoài nguồn NSNN), trên cơ sở đó xác định mức độ tự chủ của từng đơn vị; đánh giá các khoản

thu phí được để lại theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Công tác huy động các nguồn lực tài chính ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

II. Đánh giá tình hình thực hiện chi ngân sách năm 2021:

Căn cứ dự toán chi ngân sách được giao, kết quả chi ngân sách trong 6 tháng đầu năm và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội để đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách năm 2021. Cụ thể:

1. Đối với nhiệm vụ chi đầu tư phát triển:

1.1. Đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển năm 2021:

a) Đánh giá tình hình phân bổ và giao, điều chỉnh, bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2021, chi tiết theo từng lĩnh vực chi; Đánh giá cụ thể thời hạn phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư; Kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản thuộc nguồn NSNN; Việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển; Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách; kiến nghị trong tổ chức thực hiện.

b) Tình hình thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển của NSNN năm 2021, chi tiết theo từng lĩnh vực chi, gồm:

- Chi đầu tư phát triển từ nguồn chi cân đối NSNN (*bao gồm cả chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2021 theo quy định*): Đánh giá tình hình giải ngân vốn đến hết tháng 6 năm 2021, dự kiến khả năng thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021; chi tiết theo từng nguồn vốn (chi tiết vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu, vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu từ vốn nước ngoài, vốn trong nước); có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2020, kế hoạch vốn năm 2021 - kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2021, kèm theo thuyết minh.

- Đối với chi đầu tư phát triển từ nguồn tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền và chuyển mục đích sử dụng đất: báo cáo tình hình thu, nộp ngân sách và việc thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 từ nguồn thu này.

- Đánh giá tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn NSNN và thu hồi vốn ứng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020; ước số xử lý trong năm 2021; dự kiến số nợ xây dựng cơ bản, số ứng chưa có nguồn thu hồi đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 (chi tiết từng dự án).

- Đối với chi đầu tư phát triển theo hình thức hợp tác công tư: đánh giá tình hình thực hiện việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao theo Nghị định số 69/2019/NĐ-CP; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, kiến

ngợi.

- Đánh giá việc chuyển đổi nhiệm vụ, dự án đầu tư theo hình thức hợp tác công tư sang hình thức NSNN đầu tư trực tiếp 100% và tác động đến NSNN (nếu có), việc bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2021 (nếu có).

- Đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết cho đầu tư các dự án, công trình kết cấu hạ tầng của Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Thủ Đức và các quận huyện.

- Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ số dự án đã được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và số vốn còn lại chưa được bố trí để thanh toán so với giá trị quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt; số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2021, dự kiến đến hết năm 2021; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

c) Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2021 của các cơ quan hành chính nhà nước đang được hưởng cơ chế đặc thù theo quy định, chi tiết theo từng dự án và nguồn kinh phí (NSNN, nguồn phí được để lại, nguồn được trích lại qua công tác thanh tra, kiểm toán, nguồn thu nghiệp vụ, nguồn hợp pháp khác).

d) Đối với các nguồn ngoài cân đối NSNN của đơn vị sự nghiệp công lập: Đánh giá việc phê duyệt, bố trí nguồn, kết quả thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2021 theo quy định (chi tiết nguồn phí và nguồn thu sự nghiệp được để lại, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị) theo từng lĩnh vực chi.

đ) Đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển khác của NSNN năm 2021, tình hình thực hiện kế hoạch tín dụng đầu tư ưu đãi của Nhà nước và tín dụng chính sách 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2021 (huy động vốn, phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; tăng trưởng tín dụng, giải ngân, thu nợ gốc, dư nợ cho vay; NSNN cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý,...).

e) Đánh giá tình hình thực hiện xã hội hóa năm 2021 về tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực xã hội hóa đầu tư theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có).

g) Đối với các chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước; đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi năm 2021, việc điều chỉnh, bổ sung năm 2021 (nếu có) theo Hiệp định, Thỏa thuận đã ký kết, chi tiết theo từng nguồn vốn (vốn viện trợ ODA, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức); cơ chế tài chính, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

Đánh giá kết quả giải ngân vốn ngoài nước, so sánh với dự toán được giao, làm rõ nguyên nhân của việc giải ngân chậm, trách nhiệm của cơ quan chủ quản đầu tư, trách nhiệm của Ban Quản lý dự án và các cơ quan có liên quan.

h) Báo cáo tình hình thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nhà nước, thanh tra theo khoản 10 Điều 8 Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021.

1.2. Đối với ngân sách huyện, đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện đánh giá thêm nội dung về việc triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới năm 2021. Tổng nguồn kinh phí thực hiện, trong đó báo cáo, đánh giá chi tiết theo từng nguồn (NSNN gồm nguồn ngân sách địa phương, ngân sách thành phố hỗ trợ có mục tiêu, ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu (nếu có); các nguồn lực huy động từ cộng đồng, nguồn vốn khác...).

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chỉ thường xuyên năm 2021:

Các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện tiến hành đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chỉ thường xuyên; trong đó, tập trung đánh giá các vấn đề sau:

a) Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 6 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện cả năm 2021 chi tiết theo từng lĩnh vực chỉ được giao, trong đó, bên cạnh việc đánh giá các nhiệm vụ chỉ theo dự toán, tập trung làm rõ các nhiệm vụ chi phát sinh để ứng phó với đại dịch Covid-19, phòng chống thiên tai, đảm bảo quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội.

b) Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn nguồn chi thường xuyên của NSNN trong 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2021; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện, cụ thể:

- Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, xác định các nhiệm vụ, chính sách, chế độ kết thúc; kiến nghị bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ, chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

- Đánh giá việc thực hiện cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2021, Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Công văn số 5302/VPCP-KTTH ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ, Công văn số 2130/UBND-KT ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố và các văn bản khác có liên quan.

- Báo cáo chi tiết tình hình thực hiện hỗ trợ kinh phí phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh. Tình hình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người dân, gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo các Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố và các văn bản liên quan.

- Đánh giá kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2021 và lũy kế thực hiện trong giai đoạn 2016-2021 tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp

tổ chức bộ máy, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại tiết c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 61/2021/TT-BTC. Trong đó:

Chi tiết (1) số giảm biên chế, giảm đầu mỗi tổ chức bộ máy; (2) Số kinh phí NSNN tiết kiệm được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy (*trong đó số sử dụng để thực hiện cải cách tiền lương*) (3) Số kinh phí phải bố trí từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo các Nghị định của Chính phủ và các văn bản của Thành phố¹.

- Đánh giá kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2021 và lũy kế đến hết năm 2021 đối với việc thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công lập:

+ Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 16/2015/NĐ-CP) và các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực sự nghiệp cụ thể trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2021 và lũy kế đến hết năm 2021, chi tiết theo từng mục tiêu, trong đó báo cáo cụ thể dự kiến số lượng và mức độ tự chủ của từng đơn vị; nguồn tài chính và nhiệm vụ chi của đơn vị, chi tiết theo nguồn NSNN, nguồn thu sự nghiệp đối với từng lĩnh vực sự nghiệp, từng đơn vị; tổng số biên chế và số lượng biên chế hưởng lương từ NSNN theo từng lĩnh vực sự nghiệp vào thời điểm năm 2021.

+ Đánh giá tác động của việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao khả năng tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập đến việc bố trí NSNN theo từng lĩnh vực trong năm 2021 và lũy kế đến năm 2021, trong đó: đánh giá số giảm chi từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo từng lĩnh vực (sự nghiệp y tế, sự nghiệp giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp...) và việc sử dụng số kinh phí NSNN dành ra từ việc nâng cao tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập; các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị

- Các cơ quan hành chính nhà nước đang được hưởng cơ chế tài chính đặc thù, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2021, chi tiết: quỹ lương (gồm lương ngạch bậc, các khoản đóng góp theo lương và phần lương tăng thêm theo cơ chế đặc thù - nếu có); chi chuyên môn, nghiệp vụ, chi tiết theo từng

¹ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

nguồn kinh phí (nguồn NSNN, nguồn phí được để lại, nguồn được trích lại qua công tác thanh tra, kiểm toán, nguồn thu nghiệp vụ, nguồn hợp pháp khác).

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2021 từ nguồn thu phí và thu sự nghiệp công được để lại; nguồn hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị theo quy định, chi tiết từng lĩnh vực chi.

c) Tình hình triển khai thực hiện chuẩn nghèo đa chiều theo Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành về quy định chuẩn nghèo đa chiều Thành phố giai đoạn 2021 - 2025; các khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị xử lý.

d) Đánh giá tình hình đảm bảo kinh phí thực hiện chính sách tiền lương: Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện đánh giá việc thực hiện chính sách tiền lương và tạo nguồn chi cải cách tiền lương gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2021.

e) Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng đối với lĩnh vực dịch vụ công ích, vận chuyển hành khách công cộng.

g) Đối với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, đề nghị báo cáo tình hình sử dụng dự phòng ngân sách 6 tháng đầu năm, số dự kiến sử dụng trong 6 tháng cuối năm 2021, trong đó chi tiết số hỗ trợ cho công tác phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; chi hỗ trợ người dân, người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; hỗ trợ chính sách đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19². Báo cáo nguồn cải cách tiền lương năm 2021, số còn dư (nếu có) sau khi đã đảm bảo đủ nhu cầu thực hiện chính sách tiền lương trong năm 2021 thì sử dụng để thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chi hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch Covid-19 theo quy định.

h) Tình hình thực hiện các kiến nghị của cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan Thanh tra trong lĩnh vực tài chính – NSNN, quản lý tài sản công.

3. Đánh giá kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm 2021:

Các đơn vị được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách báo cáo việc rà soát, cơ cấu lại, sắp nhập, dừng hoạt động hoặc giải thể các quỹ

² Nghị quyết của Chính phủ: số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, số 154/NQ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020, số 16/NQ-CP ngày 08 tháng 2 năm 2021 về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19, số 17/NQ-CP ngày 09 tháng 2 năm 2021 về chi hỗ trợ tiền ăn và bồi dưỡng chống dịch COVID-19 trong 05 ngày Tết Nguyên Đán năm Tân Sửu 2021, số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 và Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố và các văn liên quan của Trung ương, Thành phố Hồ Chí Minh.

hoạt động không hiệu quả, không đúng mục đích, trùng lặp về mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ hoặc không có khả năng độc lập về tài chính, trùng lặp nguồn thu, nhiệm vụ chỉ với NSNN; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu - chi và các nhiệm vụ được giao 6 tháng và dự kiến cả năm 2021; các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý.

B. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2022:

I. Nguyên tắc chung:

Năm 2022, là năm thứ hai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, là năm đầu của thời kỳ ổn định NSNN mới, nên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2021-2025 và các mục tiêu chiến lược tài chính đến năm 2025.

Do đó, các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện cần tập trung xây dựng dự toán NSNN năm 2022 theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn; **có đầy đủ thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán;** trên cơ sở đánh giá thực hiện năm 2021; các nội dung trình phê duyệt về mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021-2025; mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương giai đoạn 2021-2025. Chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2022 trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Việc xây dựng dự toán NSNN phải đảm bảo đúng chế độ, chính sách pháp luật của Nhà nước, định mức phân bổ dự toán NSNN năm 2022, theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý thu, chi ngân sách; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

II. Xây dựng dự toán thu NSNN năm 2022:

I. Dự toán thu NSNN năm 2022 phải được xây dựng theo đúng các quy định của các Luật về thuế, phí, lệ phí và các văn bản pháp luật có liên quan (kể cả các chính sách thu phí thực hiện theo Nghị quyết 54/2017/QH14). Lập dự toán thu NSNN tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu; phân tích đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2022 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, khoản thu, sắc thuế, trong đó tập trung đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai.

- Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, gia hạn thời gian nộp thuế, giảm phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu;

tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, chống chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế, quản lý chặt chẽ giá tính thuế; tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế; quyết liệt xử lý giảm tỷ lệ nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

- Dự toán toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (bao gồm cả nhà, đất), số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan); thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và thu lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ, thu chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp hiện do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (nếu có) được lập dự toán đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc xây dựng dự toán thu phải tính tới các nguồn thu gắn với việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp về tăng cường công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ thuế, thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, chống thất thu đối với doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ; các nguồn thu từ đôn đốc thực hiện kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra.

- Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp NSNN và giao dự toán chi từ nguồn thu phí, lệ phí; các Sở - ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2021, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2022 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí. Riêng đối với các tổ chức thu phí, lệ phí là cơ quan hành chính nhà nước thực hiện theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Sở Tài chính đề nghị nộp toàn bộ số phí và lệ phí thu được từ các hoạt động do đơn vị thực hiện vào NSNN.

- Đối với khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu NSNN cho các Sở - ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Sở - ban, ngành và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương từ nguồn thu này và các khoản thu hợp pháp khác được để lại cho đơn vị sử dụng để thực hiện các chính sách về tiền lương theo quy định.

2. Xây dựng dự toán thu nội địa năm 2022 (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế) tăng khoảng 6%-8% so với ước thực hiện năm 2021. Dự toán thu ngân sách thành phố Thủ Đức và các huyện bao gồm đầy đủ nguồn thu trên địa bàn.

3. Đối với dự toán số hoàn thuế GTGT phát sinh theo quy định của Luật Thuế GTGT:

Căn cứ vào tình hình thực tế và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn; tính đúng, tính đủ, kịp thời số hoàn thuế giá trị gia tăng dự kiến phát sinh trong năm 2022 theo các chính sách, chế độ hiện hành và chế độ chính sách mới có hiệu lực thi hành. Xây dựng dự toán số hoàn thuế giá trị gia tăng gắn liền với yêu cầu tăng cường công tác quản lý hoàn thuế, giám sát, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế giá trị gia tăng để đảm bảo đúng thực tế phát sinh, đúng chính sách chế độ.

4. Xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại:

Các Sở, ban-ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện căn cứ các hiệp định, thỏa thuận viện trợ ODA và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức đã và đang thực hiện; các thỏa thuận đã và sẽ được ký kết, triển khai từ năm 2022; xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại năm 2022. Đối với các khoản viện trợ đã được tiếp nhận (từ năm 2021 trở về trước), chưa có dự toán được giao; đề nghị lập và tổng hợp vào dự toán năm 2022 để được hạch toán, quyết toán theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Thông tư số 61/2021/TT-BTC.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các huyện căn cứ quy định phân cấp nguồn thu cho từng cấp ngân sách ở Thành phố Hồ Chí Minh để xác định dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng năm 2022 đảm bảo đúng quy định Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn liên quan.

III. Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2022:

1. Nguyên tắc chung:

Dự toán chi NSNN năm 2022 được xây dựng trong phạm vi nguồn thu Thành phố được hưởng theo quy định của Luật NSNN năm 2015 (*Căn cứ tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp cho thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 được Quốc hội, Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua*); phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố năm 2022 và giai đoạn 2021-2025; xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương **chi tiết từng lĩnh vực chi** theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, các Luật có liên quan và hệ thống định mức phân bổ ngân sách năm 2022; đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành.

- Để đảm bảo sự ổn định trong quá trình điều hành ngân sách và tập trung cho việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của Thành phố, các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện khi xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2022 **cần dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đã ban hành và các nhiệm vụ mới phát sinh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hạn chế tối đa việc đề nghị bổ sung ngoài dự toán**. Đối với các đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách, chế độ phải trên cơ sở điều tra, khảo sát nắm chắc số lượng đối tượng, đánh giá kỹ các tồn tại; tính toán lồng ghép giữa các chính sách, chế độ dự kiến sửa đổi hoặc ban hành mới với các chính sách hiện hành; phối hợp với cơ quan tài chính hướng dẫn, tính toán cụ thể để đảm bảo cân đối nguồn kinh phí thực hiện và khi chính sách được ban hành có

thể triển khai được ngay. **Không bổ sung từ nguồn dự phòng ngân sách Thành phố** cho những nhiệm vụ chi mà các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận-huyện khi **xây dựng dự toán chi ngân sách không tổng hợp đầy đủ kinh phí** theo chế độ, chính sách quy định.

2. Khi xây dựng dự toán chi NSNN năm 2022 cần chú ý các nội dung sau:

2.1- Đối với chi đầu tư phát triển:

- Dự toán chi đầu tư phát triển được xây dựng theo quy định của Luật NSNN (*chi tiết từng lĩnh vực chi*), Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý nợ công, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN³, các mục tiêu theo Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025 và khả năng cân đối của NSNN trong năm; đồng thời phải phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025; nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2022.

Trong đó, dự toán chi đầu tư phát triển chi tiết nguồn NSNN (*gồm nguồn cân đối NSDP, nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu chuyển đổi sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (nếu có), nguồn bồi chi NSDP (nếu có)*); dự toán chi đầu tư phát triển các dự án sử dụng nguồn vốn ngoài nước (*bao gồm cả nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức*), trên cơ sở đó bố trí đủ vốn đối ứng thuộc trách nhiệm của địa phương.

- Trong điều kiện nguồn vốn ngân sách Thành phố còn hạn hẹp, cân đối thu chi còn nhiều khó khăn, việc bố trí kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022 phải tuân thủ nghiêm các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý đầu tư công, đảm bảo các dự án đầu tư được giao kế hoạch đều phù hợp với quy hoạch được duyệt và đảm bảo đầy đủ thủ tục theo quy định.

- Ưu tiên bố trí dự toán năm 2022 để thanh toán nợ xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công, thu hồi vốn ứng trước NSNN; các dự án đã hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ vốn; các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2022; vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; bố trí vốn đầu tư nguồn NSNN thực hiện các dự án, công trình phát triển hạ tầng trọng điểm có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước theo

³ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14.

hình thức đối tác công tư (PPP); cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách. Mức bố trí vốn cho từng nhiệm vụ phải phù hợp với tiến độ thực hiện và giải ngân trong năm 2022.

- Đối với vốn nước ngoài, việc bố trí kế hoạch phải phù hợp với nội dung của Hiệp định thỏa thuận đã cam kết với nhà tài trợ; ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc năm 2022.

- Căn cứ số đã thu, đã chi đầu tư phát triển từ nguồn sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước nhưng chưa được quyết toán; số đã nộp NSNN các năm trước chưa sử dụng và dự toán thu NSNN từ nguồn thu sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước năm 2022, các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận – huyện lập dự toán chi đầu tư phát triển từ nguồn thu này theo quy định. Trong đó, làm rõ các dự án đã hoàn thành nhưng chưa được quyết toán do chưa được bố trí kế hoạch vốn; các dự án được phê duyệt sử dụng từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã nộp ngân sách nhưng chưa sử dụng; các dự án dự kiến sử dụng nguồn thu này phát sinh trong năm 2022; tổng hợp trong dự toán chi đầu tư phát triển của các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp vào dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách Thành phố.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: Lập dự toán các nhiệm vụ đầu tư phát triển theo quy định hiện hành (chi tiết nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị) theo từng lĩnh vực chi; gửi cơ quan quản lý cấp trên, tổng hợp báo cáo cơ quan đầu tư cùng cấp.

- Đối với công tác lập quy hoạch, thực hiện lập dự toán theo quy định của Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về triển khai các nội dung Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch.

2.2- Đối với chi thường xuyên:

a) Trong điều kiện cân đối ngân sách còn khó khăn, yêu cầu các sở - ban - ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách xây dựng dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2022, **rà soát đảm bảo đúng chính sách, đối tượng, chế độ, định mức chi NSNN**; đúng tính chất nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm. Trong đó:

- Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành; kinh phí sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính. Không bố trí chi thường xuyên cho

các nhiệm vụ mới về cải tạo, nâng cấp, mở rộng theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn (bao gồm cả các nhiệm vụ quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025), trừ lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo Nghị định 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 sửa đổi, bổ sung Nghị định 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

- Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm nghiệm, xử lý tiêu hủy thực phẩm không an toàn, kinh phí thanh tra, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trong lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm, kinh phí khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý, tham gia đảm bảo an toàn thực phẩm, kinh phí phòng, chống dịch Covid-19, kinh phí hỗ trợ trong dịch Covid-19, kinh phí thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 (ISO), kinh phí phục vụ cho công tác thu phí, lệ phí (một số nội dung chi phát sinh để phục vụ công tác thu phí, lệ phí mà định mức khoán quản lý hành chính chưa đảm bảo), kinh phí tinh giản biên chế (chỉ bố trí trong trường hợp nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương tại đơn vị không đảm bảo đủ theo quy định tại công văn số 9990/BTC-NSNN ngày 28 tháng 07 năm 2017 của Bộ Tài chính), kinh phí xử phạt vi phạm hành chính, kinh phí chỉnh lý tài liệu lưu trữ theo Quyết định số 5663/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố, kinh phí thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước, kinh phí mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc.

- Dự toán chi hoạt động năm 2022 của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với mục tiêu Nghị quyết số 18-NQ/TW; kiện toàn tổ chức, giảm đầu mối, giảm cấp trung gian, giảm cấp phó, thực hiện kiêm nhiệm chức danh, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã. Trong đó, quỹ lương tính theo biên chế được giao hoặc theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở đó, xác định cụ thể các tác động tăng hoặc giảm quỹ lương năm 2022 so với năm 2021.

Thực hiện tiết kiệm tối thiểu 10% chi thường xuyên (ngoài chi lương, các khoản đóng góp theo lương theo quy định, các khoản chi cho con người) so với dự toán năm 2021, trên cơ sở hạn chế tối đa mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định, tiết giảm các nhiệm vụ chi không thực sự cấp bách như: đoàn ra, đoàn vào, khánh tiết, hội thảo, hội nghị...; dành nguồn tăng chi đầu tư phát triển, cải cách tiền lương, thực hiện chuẩn nghèo, chi trợ cấp xã hội theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại điểm b khoản 4 Điều 12 Thông tư số 61/2021/TT-BTC.

- Dự toán chi hoạt động năm 2022 nguồn NSNN của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW và quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày

21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định hiện hành.

b) Các Sở - ban – ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2022 phải căn cứ nhiệm vụ chính trị được giao, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; căn cứ chính sách, chế độ, định mức chi, số đối tượng theo các quy định hiện hành. Trong đó:

- Chi hoạt động của các cơ quan QLNN, Đảng, đoàn thể:

- + Số biên chế được giao năm 2022 (trường hợp chưa được giao biên chế thì tạm xây dựng bằng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2021), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm 01 tháng 6 năm 2021, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu biên chế năm 2022 nêu trên.

- + Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở **1.490.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo:** (i) Quỹ tiền lương theo chỉ tiêu biên chế được giao năm 2022, bao gồm quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01 tháng 6 năm 2021, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển (nhưng vẫn trong tổng mức biên chế được giao), tính trên cơ sở lương 1.490.000 đồng/tháng và hệ số lương lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định; (ii) Giảm quỹ tiền lương gắn với tinh giản biên chế.

- + Xác định kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù theo quy định tại Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND, Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND và các văn bản hiện hành; theo đó, hệ số thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức là 1,2 lần so với tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ và sử dụng nguồn cải cách tiền lương để đảm bảo nhu cầu thực hiện chính sách.

- + Lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật theo quy định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại tiết d khoản 4 Điều 12 Thông tư số 61/2021/TT-BTC.

- Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

- + Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao biên chế: thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vận dụng nguyên tắc bố trí chi thường xuyên NSNN lĩnh vực quản lý nhà nước và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

- + Đối với các hội quần chúng khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật; NSNN hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:

+ Xây dựng dự toán chi trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ công sử dụng NSNN và nhiệm vụ khác; phù hợp với định hướng mục tiêu, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2021-2025.

+ Khi thực hiện các dự án, hạng mục, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng vốn NSNN, đề nghị phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để được hướng dẫn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và Thông tư số 03/2020/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn NSNN và đề xuất bố trí dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tại từng cơ quan, đơn vị để thực hiện nội dung này.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; kinh phí thực hiện nâng cao trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách đối với sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ; kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ; kinh phí để thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo lộ trình tại Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội; chính sách điều chỉnh mức học phí cho học sinh bậc Nhà trẻ, Trung học cơ sở và bổ túc Trung học cơ sở tại các trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chính sách hỗ trợ giáo dục mầm non Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2014 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố, chính sách thu hút giáo viên mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 và Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố...

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu chi thực hiện các chương trình, đề án của ngành y tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự kiến số kinh phí giảm cấp chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp y tế theo lộ trình điều chỉnh phí, giá dịch vụ y tế; nhu cầu NSNN hỗ trợ do giá, phí dịch vụ y tế chưa kết cấu đủ chi phí tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tự bảo đảm một phần chi phí thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp y tế công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

- Đối với công tác vệ sinh môi trường, duy tu giao thông, vận chuyển hành khách công cộng có trợ giá từ ngân sách và các dịch vụ công khác: khi xây dựng dự toán có tính toán đến chủ trương xã hội hóa, thực hiện triển khai có hiệu quả chủ trương đấu thầu, đặt hàng. Đồng thời, các đơn vị thuộc lĩnh vực nêu trên khi xây dựng dự toán cần chi tiết nguồn kinh phí từ xã hội hóa, các nguồn vốn khác (nếu có) và nhu cầu bố trí từ ngân sách nhằm tiết kiệm kinh phí từ ngân sách.

Riêng kinh phí thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện xác định cụ thể và chịu trách nhiệm về số kinh phí các hộ dân, chủ nguồn thải phải chi trả cho công tác này theo quy định tại Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn NSNN và giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn NSNN ban hành kèm theo tại Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố, nhằm giảm kinh phí ngân sách chi trả theo quy định.

- Dự toán xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và đơn giá, định mức kinh tế kỹ thuật quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng được cấp có thẩm quyền giao: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thủy lợi, đê điều và công trình phòng chống thiên tai) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; bảo đảm an toàn giao thông; tìm kiếm cứu nạn; nghiệp vụ dự trữ quốc gia; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công. Xây dựng dự toán kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

- Đối với những khoản chi thường xuyên không có định mức phân bổ, dự toán năm 2022 được xây dựng trên cơ sở: đánh giá tình hình thực hiện ngân sách năm 2021, dự kiến nhiệm vụ năm 2022 (*làm rõ các khoản chi chỉ phát sinh năm 2021, không phát sinh năm 2022, các khoản phát sinh tăng mức năm 2022 theo chế độ, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt*), số kiểm tra ngân sách năm 2022 đã được thông báo và các chế độ chi tiêu theo quy định. Dự toán cần sắp xếp thứ tự ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện những chế độ, chính sách chi đã được ban hành; những nhiệm vụ quan trọng cấp có thẩm quyền đã giao cho từng ngành, từng lĩnh vực.

- Đối với các nội dung không giao tự chủ như kinh phí nghiệp vụ chuyên môn, mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định, phương tiện vận tải...; các đơn vị cần rà soát để bố trí dự toán ngay từ đầu năm sát với nhu cầu thực tế, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tùy theo khả năng cân đối ngân sách; hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán trong năm; **đặc biệt đối với xe ô tô, phương tiện vận tải sẽ không bổ sung kinh phí ngoài dự toán để mua sắm.**

- Đối với các nội dung chi thường xuyên thuộc lĩnh vực sự nghiệp kinh tế Thành phố đã phân cấp, các Sở - ban - ngành chức năng cần quan tâm hướng dẫn ngay cho các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện xác định cơ sở, đối tượng chi, định mức chi để đưa vào dự toán chi ngân sách năm 2022.

- Các Sở - ban - ngành chức năng có trách nhiệm đánh giá, rà soát hệ thống các chính sách, chế độ, định mức hiện hành thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Khi đề xuất sửa đổi, bổ sung các chế độ, định mức cần thực hiện khảo sát để nắm chắc số lượng đối tượng, dự kiến nhu cầu kinh phí; tính toán lồng ghép giữa các chế độ sửa đổi hoặc ban hành mới với các chế độ hiện hành; phối hợp với Sở Tài chính để tính toán khả năng cân đối nguồn ngân sách thực hiện trước khi báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

2.3- Lập dự toán chi từ nguồn thu nộp NSNN từ xử lý tài sản công (trừ thu ngân sách từ sắp xếp lại, xử lý nhà đất); thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và thu chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp hiện do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (nếu có); dự toán chi thực hiện nhiệm vụ bán, thanh lý tài sản công từ NSNN (nếu có):

Cùng với việc lập tổng hợp báo cáo dự toán các khoản thu này; cơ quan, đơn vị được giao quản lý thực hiện tổng hợp báo cáo dự toán chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên các nhiệm vụ theo phê duyệt của cấp thẩm quyền từ các nguồn thu này theo quy định, chi tiết theo lĩnh vực.

Trường hợp dự toán chi lớn hơn số thu được từ việc xử lý tài sản công, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tổng hợp, báo cáo dự toán chi năm 2022 phần còn thiếu từ NSNN, chi tiết số thu, nhu cầu chi cho từng nhiệm vụ theo quy định.

2.4- Đối với xây dựng dự toán chi các Chương trình mục tiêu quốc gia, các nhiệm vụ thường xuyên thuộc các chương trình mục tiêu trước đây theo lĩnh vực chi: thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Khoản 8, Điều 12, Thông tư số 61/2021/TT-BTC.

2.5- Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức; các Sở, ban-ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện thực hiện theo khoản 9 Điều 12 Thông tư số 61/2021/TT-BTC. Trong đó:

- Thực hiện lập dự toán từng chương trình, dự án, khoản viện trợ, vốn đối ứng (nếu có); phân định theo tính chất chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp, chi tiết theo lĩnh vực chi; phân định cụ thể các nguồn vốn này thuộc NSDP và nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu cho địa phương. Không lập dự toán NSNN năm 2022 đối với phần vốn nước ngoài do nhà tài trợ trực tiếp quản lý, nhưng được tổ chức thực hiện và quản lý theo các quy định tại Nghị định số 56/2020/NĐ-CP và Nghị định số 80/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- Các chương trình, dự án hỗn hợp cả vốn cấp phát từ NSNN và vốn cho vay lại, chủ chương trình, dự án phải lập, tổng hợp dự toán cho từng phần vốn.

- Các chương trình, dự án tham gia cùng các Bộ, cơ quan trung ương, phải lập dự toán chi từ nguồn vốn ngoài nước và thuyết minh cơ sở phân bổ gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định, đồng gửi cơ quan chủ quản chương trình, dự án tổng hợp, theo dõi.

2.6- Lập dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương:

Năm 2022, tiếp tục thực hiện chính sách tạo nguồn cải cách tiền lương, kết hợp triệt để tiết kiệm chi gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó, tiết kiệm 10% chi thường xuyên (*trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ*) và nguồn cải cách tiền lương lũy kế đến hết năm 2021 chuyển sang để thực hiện (*bao gồm nguồn 70% tăng thu thực hiện của NSDP năm 2021 chưa sử dụng hết - nếu có*); sử dụng một phần nguồn thu của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Khoản 10, Điều 12, Thông tư số 61/2021/TT-BTC.

2.7- Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế:

Việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2022 theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP, Thông tư số 31/2019/TT-BTC, Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2.8- Ngân sách thành phố Thủ Đức và các huyện, xã - thị trấn bố trí dự phòng ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 chủ động ứng phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và giải quyết những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

Ủy ban nhân dân phường thuộc thành phố Thủ Đức lập dự toán thu, chi ngân sách phường gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Thủ Đức xem xét, tổng hợp cùng với dự toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc thành phố Thủ Đức, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định theo quy định tại tiết a khoản 2 Điều 35 Nghị định số 33/2021/NĐ-CP.

Ủy ban nhân dân phường thuộc quận lập dự toán thu, chi ngân sách phường gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch quận xem xét, tổng hợp cùng với dự toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc quận trình Ủy ban nhân dân quận, gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định theo quy định tại tiết b khoản 2 Điều 35 Nghị định số 33/2021/NĐ-CP.

2.9- Căn cứ số kiểm tra thu - chi ngân sách năm 2022, các Sở - ban - ngành và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện khi xây dựng dự toán chi cần thuyết minh chi tiết, phân tích cụ thể cơ sở tính toán dự toán ngân sách năm 2022, nhất là đối với các nội dung phát sinh do được giao thêm nhiệm vụ, do nhu cầu mua sắm, sửa chữa do phải thực hiện điều hành kinh tế - xã hội trên địa bàn đối với 16 quận... trên tinh thần triệt để tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách; phải đảm bảo chặt chẽ và chi tiết đối với từng nhiệm vụ, từng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc, từng phường - xã - thị trấn để khi nhận được dự toán ngân sách được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua và Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao có thể đảm bảo thực hiện phân bổ và giao dự toán cho đơn vị sử dụng ngân sách trước ngày 31/12/2021 theo đúng quy định của Luật NSNN.

2.10- Các Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện được giao quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách trên địa bàn thành phố; trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự kiến kế hoạch cơ cấu lại, sáp nhập, dừng, giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, chưa theo đúng quy định của pháp luật trong năm 2022; lập kế hoạch thu - chi tài chính năm 2022 đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách còn tiếp tục hoạt động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật NSNN và quy định của pháp luật có liên quan (*trong đó, thuyết minh chi tiết về số dư đầu năm; số phát sinh thu từ NSNN cấp, từ huy động, tài trợ,... trong năm; số chi cho các nhiệm vụ trong năm; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động của các Quỹ này*).

3. Về cân đối chi ngân sách thành phố Thủ Đức và các huyện, xã - thị trấn:

Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các huyện căn cứ quy định phân cấp nguồn thu cho từng cấp ngân sách ở Thành phố Hồ Chí Minh để xác định dự toán thu ngân sách được hưởng năm 2022 đảm bảo đúng quy định Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Căn cứ tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách Thành phố được ổn định trong thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025; trên cơ sở kết quả thảo luận dự toán ngân sách với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các huyện; Sở Tài chính phối hợp với Cục Thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố cho ngân sách thành phố Thủ Đức và các huyện.

4. Các biểu mẫu liên quan công tác lập dự toán năm 2022:

** Đối với lập dự toán chi đầu tư phát triển (gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp):*

+ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016: mẫu biểu số 05, 06, 08, 09, 11.1, 23, 24, 25, 26, 27, 33, 34

+ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017: mẫu biểu số 25, 34, 36, 38, 41, 42, 43, 46.

** Đối với lập dự toán chi thường xuyên (gửi về Sở Tài chính để tổng hợp):*

- Đối với các Sở, ban, ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân các quận:

+ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016: mẫu biểu số 05, 06, 07, 09, 11.1, 12, 13, 14, 15, 18, 23, 24, 25, 26, 27, 35.

+ Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021: mẫu biểu số 02a, 02b, 02c, 02d, 03, 04, 05

+ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017: mẫu biểu số 28, 45.

- Đối với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các huyện:

+ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016: mẫu biểu số 07, 28, 32, 35.

+ Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021: mẫu biểu số 02a, 02b, 02c, 02d, 03, 04, 05

IV. Xây dựng kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2022-2024:

Theo quy định tại Luật NSNN năm 2015, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, việc lập kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2022-2024 phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

1. Nguyên tắc chung:

- Việc xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2022-2024 căn cứ kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2021 – 2023; các trần chi tiêu giai đoạn 2022 – 2024 đã được thông báo, bám sát mục tiêu, định hướng đề ra trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Việc lập, báo cáo, tổng hợp kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm được tiến hành thực hiện đồng thời với quá trình lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

- Đối với năm 2023-2024, việc xây dựng số thu, nhiệm vụ chi trên cơ sở Luật NSNN, các Luật về thuế, phí, lệ phí, Luật Đầu tư công, các Luật có liên quan đang có hiệu lực và các văn bản hướng dẫn; định hướng cơ cấu lại NSNN theo Nghị quyết số 07-NQ/TW; lộ trình triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; các chế độ, chính sách, nhiệm vụ, chương trình, dự án chi ngân sách đang được thực hiện theo phân kỳ được phê duyệt.

Trong đó, dự toán thu ngân sách địa phương xây dựng trên cơ sở quy định phân cấp nguồn thu cho từng cấp ngân sách ở Thành phố Hồ Chí Minh và dự toán chi xây dựng với mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng.

2. Xây dựng kế hoạch thu NSNN 03 năm 2022-2024:

a) Xây dựng kế hoạch thu NSNN 03 năm 2022-2024 được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch 03 năm 2021-2023, dự toán thu NSNN năm 2022 và mức tăng trưởng thu dự kiến cho năm 2023, năm 2024; trong đó, lập kế hoạch thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế) bình quân khoảng 8-9%/năm; tốc độ tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu bình quân khoảng 5-6%/năm.

- Xây dựng kế hoạch thu NSNN 03 năm 2022-2024 đảm bảo nguyên tắc mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định phải được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối NSNN theo quy định của Luật NSNN; phù hợp với kế hoạch và dự báo phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực liên quan.

- Xây dựng kế hoạch thu NSNN 03 năm 2022-2024 phải trên cơ sở đánh giá tác động của thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch Covid-19 còn diễn biến khó lường; khả năng phát triển kinh tế, từng ngành nghề, lĩnh vực trong giai đoạn 2022-2024 phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021-2025; các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ, phát triển sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của từng năm; các yếu tố tác động của quá trình hội nhập quốc tế. Trong đó, cập nhật, phân tích, đánh giá cụ thể những tác động tăng, giảm và chuyển dịch nguồn thu do các thay đổi chính sách thu, triển khai các chính sách thu mới trên địa bàn Thành phố. Đồng thời, đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch thu NSNN 03 năm 2022-2024.

b) Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định:

Các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện căn cứ tình hình thực hiện số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2021, số dự kiến thu năm 2022 đã lập theo hướng dẫn tại mục B.II Công văn này; dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2023 và năm 2024 để xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm phù hợp, tích cực theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định (số thu, số nộp NSNN) và chỉ tổng hợp vào dự toán thu NSNN phần phí, lệ phí nộp NSNN năm 2022 - 2024.

Riêng đối với các khoản thu được để lại, học phí, giá dịch vụ y tế, giá dịch vụ sự nghiệp công và các khoản thu khác (không thuộc danh mục phí và lệ phí): thực hiện lập kế hoạch thu riêng theo quy định và xây dựng phương án sử dụng để gửi cơ quan có thẩm quyền quản lý, giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương từ khoản thu này theo quy định; gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

3. Xây dựng kế hoạch chi NSNN 03 năm 2022-2024:

a) Chi cân đối NSNN:

Năm 2023 được xác định bằng dự kiến chi cân đối năm 2022 (đã bao gồm các chế độ chính sách an sinh xã hội được ban hành tới thời điểm xây dựng dự toán năm 2022), riêng chi đầu tư từ thu tiền sử dụng đất và hoạt động xổ số kiến

thiết bố trí bằng số thu. Đối với các năm tiếp theo, chi cân đối NSNN được bố trí tăng tương ứng với số tăng thu NSDP được hưởng theo phân cấp.

b) Chi đầu tư phát triển:

- Kế hoạch chi NSNN 03 năm 2022-2024 được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch 03 năm 2021-2023, ước thực hiện năm 2021, trần chi ngân sách giai đoạn năm 2022-2024; các mục tiêu, kế hoạch và dự báo phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực liên quan; kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025; lộ trình thực hiện 3 chương trình trọng điểm và 01 chương trình đột phá theo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Thành phố và khả năng cân đối của ngân sách thành phố để lập kế hoạch chi đầu tư phát triển 03 năm 2022-2024.

- Đối với năm 2023-2024, chi đầu tư xây dựng cơ bản được bố trí theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp; đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các Nghị định hướng dẫn; việc lập kế hoạch đầu tư phải dựa trên khả năng cân đối các nguồn lực cho đầu tư phát triển; danh mục các chương trình, dự án, nhiệm vụ chuyển tiếp theo tiến độ thực hiện; các chương trình, dự án, nhiệm vụ mới đảm bảo phù hợp với quy hoạch được duyệt, thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành và phù hợp với định hướng tiếp tục cơ cấu lại ngân sách và nợ công giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị.

c) Chi thường xuyên:

- Kế hoạch chi ngân sách 03 năm 2022-2024 được xây dựng dựa trên kết quả cập nhật đánh giá kế hoạch tài chính NSNN 03 năm 2021-2023, số ước thực hiện năm 2021 và trần chi ngân sách giai đoạn 2022-2024 được cơ quan có thẩm quyền thông báo. Trường hợp đã chủ động sắp xếp, rà soát các nhiệm vụ chi để lập kế hoạch chi ngân sách 03 năm 2022-2024 nhưng nhu cầu chi vượt trần được thông báo; phải thuyết minh cụ thể nguyên nhân tăng nhu cầu chi là thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời phải đề xuất các giải pháp về nguồn tài chính đảm bảo cho nhu cầu chi này nhằm thực hiện được các nhiệm vụ được giao.

- Trường hợp nhu cầu chi của các cơ quan, đơn vị được đảm bảo từ nguồn thu phí được để lại và nguồn thu sự nghiệp, thu dịch vụ khác theo chế độ quy định, thì số dự kiến thu phải được chi tiết từng năm, cùng với các đánh giá, thuyết minh có liên quan.

- Kế hoạch chi ngân sách 03 năm 2022-2024 được lập chi tiết theo từng năm, từng lĩnh vực chi; trong đó thuyết minh cụ thể các nội dung như sau:

+ Những định hướng lớn về phát triển ngành, lĩnh vực, các nhiệm vụ dự kiến phát sinh trong năm 2022-2024; các nhu cầu chi tăng, giảm gắn với việc thay đổi cơ chế, chính sách chi ngân sách do cơ quan có thẩm quyền ban hành; sự thay đổi do cải cách quy trình kiểm soát chi ngân sách có tác động, ảnh hưởng như thế nào

đến nhu cầu, kế hoạch chi trong giai đoạn 2022-2024 (phân tích định tính và định lượng – nếu có); ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đã được ban hành.

+ Xác định khả năng giảm chi thường xuyên các lĩnh vực sự nghiệp giai đoạn 2022-2024 theo lộ trình thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Dự báo rủi ro tác động đến số chi ngành, lĩnh vực của kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2022-2024 (đánh giá định tính và định lượng – nếu có);

+ Đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm đã lập và giải pháp đảm bảo việc thực hiện kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm trong trường hợp xảy ra rủi ro.

- Ngoài các nội dung hướng dẫn nêu trên, việc lập kế hoạch chi ngân sách 03 năm 2022-2024 cần lưu ý đánh giá các nội dung sau:

+ Đối với các sở, ban - ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân các quận:

Trong quá trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2022, các cơ quan, đơn vị xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của cơ quan, đơn vị mình theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi thường xuyên trong kế hoạch chi năm 2023, năm 2024.

+ Đối với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các huyện:

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các huyện và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố năm 2022, trần chi do Sở Tài chính thông báo trong 03 năm 2022-2024; đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các huyện dự báo tình hình kinh tế - xã hội tác động đến kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2022-2024 để dự kiến nguồn thu NSNN trên địa bàn, nguồn thu của địa phương theo phân cấp, dự kiến nhu cầu chi đầu tư phát triển nguồn NSNN và nhu cầu chi thường xuyên của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các huyện năm dự toán và 02 năm tiếp theo, chi tiết số liệu và thuyết minh theo từng lĩnh vực chi và gửi Sở Tài chính để làm cơ sở tổng hợp vào kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2022-2024 của Thành phố.

Việc lập kế hoạch chi thực hiện các CTMTQG, CTMT; kế hoạch chi các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA (bao gồm cả vốn vay và viện trợ), nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ phi chính phủ nước ngoài; kế hoạch tạo nguồn cải cách tiền lương dựa trên cơ sở hướng dẫn tại Mục III Công văn này. Trong đó, lập kế hoạch chi từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức giai đoạn 2022-2024 theo từng năm, từng dự án theo tiến độ thực hiện đối với các Hiệp định, thỏa thuận, cam kết đã ký kết, đang triển khai thực hiện và đã được phê duyệt chủ trương.

Đối với năm 2023-2024 không lập kế hoạch chi cho các CTMTQG, CTMT, việc bổ sung chi cho các nhiệm vụ này sẽ được cập nhật sau khi cấp thẩm quyền có chủ trương quyết định về triển khai các CTMTQG, CTMT sau năm 2022.

5. Các mẫu biểu liên quan công tác lập kế hoạch tài chính – ngân sách 3 năm giai đoạn 2022-2024:

** Đối với lập dự toán chi đầu tư phát triển (gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp):*

+ Thông tư số 69/2016/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017: mẫu biểu số 13, 14, 15.

+ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017: mẫu biểu số 11

** Đối với lập dự toán chi thường xuyên (gửi về Sở Tài chính để tổng hợp):*

+ Đối với các sở, ban – ngành Thành phố và các quận: báo cáo theo mẫu biểu từ số 13 đến số 19 đính kèm Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017.

+ Đối với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các huyện: báo cáo theo mẫu biểu số 01, 02, 03, 04, 05, 06 (đính kèm).

V. LẬP KẾ HOẠCH VAY, SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI NĂM 2020, KẾ HOẠCH 03 NĂM 2022-2024:

1. Giao các Chủ chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi báo cáo tình hình và kế hoạch vay, trả nợ vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ theo các nội dung sau:

- Tình hình huy động, trả nợ vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ năm 2021: dư nợ đầu năm; huy động trong năm (đến ngày 30/6/2021 và ước cả năm 2021); số trả nợ gốc, lãi và phí (đến ngày 30/6/2021 và ước cả năm 2021), dư nợ vay (đến ngày 30/6/2021 và ước đến ngày 31/12/2021).

- Xây dựng kế hoạch vay và trả nợ năm 2022: dự kiến số vay và số trả nợ (bao gồm nợ gốc, lãi và phí) trong năm 2022 đối với:

+ Các dự án hiện tại đang triển khai thực hiện;

+ Các dự án dự kiến phát sinh mới: bao gồm các dự án dự kiến đề xuất vay trong năm; dự án đang đàm phán, có thể ký hợp đồng vay trong năm; dự án có thể giải ngân ngay vốn vay lại trong năm v.v...

- Dự kiến kế hoạch vay và trả nợ 03 năm 2022-2024 theo từng năm (bao gồm nợ gốc, lãi và phí) đối với:

+ Các dự án hiện tại đang triển khai thực hiện;

+ Các dự án dự kiến phát sinh mới: bao gồm các dự án dự kiến đề xuất vay trong năm; dự án đang đàm phán, có thể ký hợp đồng vay trong năm; dự án có thể giải ngân ngay vốn vay lại trong năm v.v...

- Về mẫu biểu báo cáo:

+ Về lập kế hoạch vay, sử dụng và trả nợ vốn ODA, vốn vay ưu đãi năm 2022: Chi tiết theo **Mẫu biểu số 01** Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính.

+ Về lập kế hoạch 03 năm 2022-2024: chi tiết theo Mẫu biểu số 2.03 và Mẫu biểu số 2.04 ban hành kèm theo Thông tư số 84/2018/TT-BTC ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính.

Các Chủ chương trình, dự án có trách nhiệm thực hiện đúng hạn, đúng nội dung, đảm bảo tính chính xác của số liệu và gửi báo cáo về Sở Tài chính để có cơ sở tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Tài chính. Trường hợp các đơn vị không tổng hợp đầy đủ dẫn đến việc không vay vốn kịp thời để triển khai thực hiện dự án hoặc dẫn đến phát sinh tình hình vay, trả nợ ngoài kế hoạch đã dự kiến thì các đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Giao các Chủ chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi tổng hợp dự toán thu, chi từ nguồn vay nợ nước ngoài và vốn đối ứng năm 2022:

Báo cáo chi tiết theo từng dự án các nội dung như sau:

- Nhà tài trợ;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Tổng số vốn ký kết theo Hiệp định: bao gồm số cấp phát và số vay lại;
- Lũy kế thực hiện đến 31/12/2020: bao gồm số cấp phát và số vay lại;
- Đánh giá thực hiện năm 2021: bao gồm số cấp phát và số vay lại;
- Dự toán năm 2022: bao gồm số cấp phát và số vay lại.

(Chi tiết theo Mẫu biểu số 08 đính kèm Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính).

VI. Tổ chức thực hiện:

1. Căn cứ hướng dẫn tại Công văn này; thông báo của cơ quan tài chính về số kiểm tra năm 2022 và dự kiến giao thu chi ngân sách năm 2023, 2024; các Sở, ban-ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; các Chủ chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi lập dự toán thu chi ngân sách của cấp mình, ngành mình; tổng hợp dự toán thu chi ngân sách năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách 3 năm giai đoạn 2022-2024 gửi cho Sở Tài chính; đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư danh mục các dự án đầu tư xây dựng cơ bản dự kiến thực hiện trong năm 2022 (có sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, cơ cấu nguồn vốn) và dự toán thu NSNN năm 2022 cho Cục Thuế Thành phố **trước ngày 17/8/2021**.

Các biểu mẫu hướng dẫn tại Công văn này được đăng tải trên trang web của Sở Tài chính Thành phố tại địa chỉ <http://www.tcvg.hochiminhcity.gov.vn>

2. Căn cứ chỉ tiêu thu năm 2022, kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm giai đoạn 2022-2024 do cơ quan thu xây dựng, kế hoạch vốn chi đầu tư phát triển do Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, dự toán chi ngân sách do các Sở - ban - ngành và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện lập, Sở Tài chính tiến hành tổng hợp để báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Tài chính và Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định.

3. Sau khi có Quyết định giao chỉ tiêu dự toán thu chi ngân sách năm 2022 chính thức của Chính phủ, **trước ngày 10/12/2021**, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua dự toán và phân bổ dự toán ngân sách Thành phố năm 2022. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2022 cho các Sở, ban - ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện. Căn cứ Quyết định giao dự toán năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố, các Sở, ban - ngành và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện tiến hành phân bổ và giao dự toán thu chi ngân sách cho từng phường - xã, thị trấn và từng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc **trước ngày 31/12/2021**.

Để đảm bảo việc xây dựng dự toán NSNN năm 2022, kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm giai đoạn 2022-2024 theo đúng quy định, đúng thời hạn, đề nghị Thủ trưởng Sở - ban - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện và các Chủ chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi quan tâm chỉ đạo thực hiện hướng dẫn của Sở Tài chính tại Công văn này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị liên hệ Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế Thành phố để cùng trao đổi, xử lý kịp thời. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP: CT, PCT/TM (để báo cáo);
- Ban KTNS – HĐND TP (để báo cáo);
- Sở KH&ĐT, Cục Thuế TP (để phối hợp);
- Phòng TCKH các quận huyện (để thực hiện);
- GD, các PGD;
- Chỉ cục TCDN; Các phòng ban thuộc Sở;
- Lưu: VT, NS.



GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Hồng Hà

DỰ BÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Đính kèm Công văn số /STC-NS ngày tháng năm 2021 của Sở Tài chính)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)		NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
			KẾ HOẠCH	ƯỚC THỰC HIỆN			
1	Dân số	Triệu người					
2	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%					
3	Tỷ lệ hộ nghèo	%					
4	Giáo dục, đào tạo						
	- Số giáo viên	Người					
	- Số học sinh	Người					
	Trong đó:						
	+ Học sinh dân tộc nội trú	Người					
	+ Học sinh bán trú	Người					
	+ Đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định	Người					
	- Số trường đại học, cao đẳng, dạy nghề công lập do địa phương quản lý	Trường					
5	Y tế:						
	- Cơ sở khám chữa bệnh	Cơ sở					
	- Số giường bệnh	Giường					
	Trong đó:						
	+ Giường bệnh cấp huyện	Giường					
	+ Giường phòng khám khu vực	Giường					
	+ Giường y tế xã phường	Giường					
	- Số đối tượng mua BHYT						
	+ Trẻ em dưới 6 tuổi	Người					
	+ Đối tượng bảo trợ xã hội	Người					
	+ Người thuộc hộ nghèo	Người					
	+ Kinh phí mua thẻ khám chữa bệnh người nghèo, người dân tộc thiểu số, người sống vùng có điều kiện KTXH ĐBKK	Người					
	+ Học sinh, sinh viên	Người					

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)		NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
			KẾ HOẠCH	ƯỚC THỰC HIỆN			
	+ Đối tượng cựu chiến binh, người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào, thanh niên xung phong	Người					
	+ Người thuộc hộ gia đình cận nghèo	Người					
	+ Người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình	Người					

..., ngày ... tháng... năm

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Đính kèm Công văn số /STC-NS ngày tháng năm 2021 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN UBND thành phố giao	DỰ TOÁN HĐND cấp huyện quyết định	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
		1	2	3	4	5	6
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG						
	Trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương tính tỷ lệ điều tiết, số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố cho ngân sách địa phương						
1	Chi đầu tư phát triển						
1.1	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật						
1.2	Chi đầu tư phát triển còn lại (1-1.1)						
	Trong đó:						
1.2.1	Chi đầu tư phát triển của các dự án phân theo nguồn vốn						
a	Chi đầu tư XD CB vốn trong nước						
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất						
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết						
1.2.2	Chi đầu tư phát triển phân theo lĩnh vực						
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề						

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN UBND thành phố giao	DỰ TOÁN HĐND cấp huyện quyết định	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
		1	2	3	4	5	6
b	Chi khoa học và công nghệ						
							
2	Chi thường xuyên						
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề						
b	Chi khoa học và công nghệ						
							
3	Dự phòng ngân sách						
4	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương						
II	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG						

...., ngày ... tháng... năm

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

DỰ KIẾN NHU CẦU, NGUỒN VÀ SỐ BỔ SUNG CHI THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG

(Đính kèm Công văn số /STC-NS ngày tháng năm 2021 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN UBND thành phố giao	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	KINH PHÍ TĂNG THÊM	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6
I	Tổng chi quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp làm thêm giờ)						
	Trong đó:						
(1)	Tổng chi quỹ lương theo tiền lương cơ sở đã được quyết định trước 31/12 năm n-1						
-	Tổng chi quỹ lương theo tiền lương cơ sở đã dự kiến						
-	Điều chỉnh quỹ tiền lương (bao gồm cả kinh phí còn thiếu của các năm trước)						
(2)	Tổng chi quỹ lương do tăng tiền lương cơ sở						
II	Tổng nguồn kinh phí thực hiện CCTL						
(1)	10% tiết kiệm chi thường xuyên						
(2)	50% tăng thu NSDP						
	- 50% tăng thu NSDP dự toán năm nay so năm trước						
	- 50% tăng thu NSDP thực hiện năm trước so dự toán năm trước						
(3)	Từ nguồn giá học phí						
(4)	Từ nguồn giá viện phí						
(5)	Thu sự nghiệp khác						
III	Kinh phí đề xuất phải bổ sung hoặc chuyển nguồn	I-II	I-II		I-II	I-II	I-II

....., ngày ... tháng... năm

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Đính kèm Công văn số /STC-NS ngày tháng năm 2021 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán năm N- 1	Ước thực hiện năm N- 1	So sánh		Dự toán ngân sách năm N	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
				Tuyệt đối	Tương đối			
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1	5	6	7
A TỔNG NGUỒN THU NSĐP								
I Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp								
II Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên								
1 Thu bổ sung cân đối ngân sách								
2 Thu bổ sung có mục tiêu								
III Thu kết dư								
IV Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang								
B TỔNG CHI NSĐP								
I Tổng chi cân đối ngân sách địa phương								
1 Chi đầu tư phát triển								
2 Chi thường xuyên								
3 Dự phòng ngân sách								
4 Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương								
II Chi các chương trình mục tiêu								
1 Chi các chương trình mục tiêu quốc gia								
2 Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ								
III Chi chuyển nguồn sang năm sau								

Ghi chú : Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

..., ngày ... tháng ... năm

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

DỰ KIẾN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Đính kèm Công văn số /STC-NS ngày tháng năm 2021 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng.

S T T	Nội dung	Ước thực hiện năm N-1	Dự toán ngân sách năm N	So sánh	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
A	B	1	2	3=2/1	4	5
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC					
I	Thu nội địa					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					
	Trong đó:					
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (*)					
2	Thuế thu nhập cá nhân					
3	Thuế bảo vệ môi trường					
4	Lệ phí trước bạ					
5	Thu tiền sử dụng đất					
II	Thu viện trợ					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					

Ghi chú :

(*) Doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là các doanh nghiệp thành lập theo Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, trừ các doanh nghiệp nhà nước do trung ương, địa phương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nêu trên.

....., ngày ... tháng... năm

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Đính kèm Công văn số /STC-NS ngày tháng năm 2021 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm N-1	Ước thực hiện năm N-1	Dự toán ngân sách năm N (1)	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
A	B	1	2	3	4	5
I	Nguồn thu ngân sách					
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp					
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
-	Thu bổ sung có mục tiêu					
3	Thu kết dư					
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
II	Chi ngân sách					
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách huyện					
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới					
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách					
-	Chi bổ sung có mục tiêu					
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

Ghi chú: (1) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

..., ngày ... tháng... năm

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)